

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TRÀ VINH**

Số: 28/2019/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

C, ngày 27 tháng 02 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 548/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2018, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Sơn Thị Kim T, sinh năm: 1987.

Nơi đăng ký HKTT: ấp LT, xã HH, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Chỗ ở: ấp GC, xã PT, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn*: Anh Du Văn L, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: ấp LT, xã HH, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 12, 14, 15, 26, 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 02 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 02 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

Theo biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 02 năm 2019 thì chị Sơn Thị Kim T tự nguyện nộp toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000 đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Đến ngày 22 tháng 02 năm 2019, chị T có làm đơn xin miễn tiền án phí do chị là người dân tộc Khmer cư trú ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 414/QĐ-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư Chương trình 135 giai đoạn 2017 - 2020. Vì vậy, Tòa án miễn phần tiền án phí mà chị T có nghĩa vụ nộp bằng 75.000 đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) là phù hợp với quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Sơn Thị Kim T với anh Du Văn L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Sơn Thị Kim T và anh Du Văn L tự nguyện thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Chị Sơn Thị Kim T và anh Du Văn L tự nguyện thỏa thuận giao hai người con chung tên Du Thị Diệu H, sinh ngày 23/11/2012 và Du Sơn Nhân K, sinh ngày 21/4/2016 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Sơn Thị Kim T và anh Du Văn L chưa đặt ra yêu cầu giải quyết, nên Tòa không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về tài sản chung*: Chị Sơn Thị Kim T và anh Du Văn L thống nhất xác định không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Chị Sơn Thị Kim T và anh Du Văn L thống nhất xác định có nợ của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Trà Vinh - Phòng Giao dịch huyện C số tiền 15.000.000 đ (Mười lăm triệu đồng). Tuy nhiên, anh chị thống nhất xác định tự thỏa thuận giải quyết với Ngân hàng; Đồng thời, Tòa án có nhận được văn bản đề ngày 18 tháng 02 năm 2019 của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Trà Vinh - Phòng Giao dịch huyện C về việc không khởi kiện yêu cầu thu hồi nợ vay đối với chị T, anh L. Nên Tòa án không có cơ sở xem xét giải quyết về nợ chung; Các đương sự được quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác nếu có tranh chấp yêu cầu. Chị T tự nguyện rút phần yêu cầu giải quyết nợ chung khi ly hôn, nên Tòa án đình chỉ giải quyết phần yêu cầu này.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Chị Sơn Thị Kim T tự nguyện nộp án phí hôn nhân sơ thẩm là 75.000 đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số AA/2015/0018647 ngày 20 tháng 12 năm 2018 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C thu. Hoàn trả lại cho chị T 225.000 đ (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

Anh Du Văn L không phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và

không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã HH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thanh Thảo